

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>645 319</b>	<b>239 542</b>	<b>405 658</b>			
<b>I</b>	<b>CẢNG CHÍNH</b>						<b>141 646</b>	<b>27 036</b>	<b>114 610</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<b>4 520</b>	<b>4 251</b>	<b>269</b>			
1	KDT MIỀN BẮC	25/5	1353/5	31/5	BN 2115	CÁM 2A.1	1 500	1 296	204	26/5	TD	
2	KDT MIỀN BẮC	26/5	1360/5	31/5	QN 9469	CÁM 2A.1	1 520	1 456	64	26/5	TD	
3	SXTM TUB	23/5	1346-B/5	31/5	BN 3046	CÁM 4B.1	1 500	1 499	1	26/5	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>76 069</b>	<b>22 785</b>	<b>53 284</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	319/5		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 200	21 331	24 869	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	TTCO: 25.200 - TTHG: 21.000
2	ĐIỆN DUYÊN HẢI	24/5	343/5		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTCO: 15.300 - CLM: 11.000
3	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1354/5	31/5	BN 3339	CÁM 5A.1	1 969		1 969		PTCB	
4	DV VT QUẢNG NINH	22/5	1290/5	29/5	BN 2518	CỤC XỔ 1C	1 600	1 454	146	RÓT ĐỔ	TD	GIA HẠN L1
	<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<b>61 057</b>		<b>61 057</b>			
1	ĐẠM NINH BÌNH	18/5	332/5	31/5	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045		3 045		HỘ LỚN	
2	NHÔM ĐẮK NÔNG	24/5	1351/5	31/5	THANH BÌNH 68 (BN-2358)	CÁM 5A.1	4 100		4 100		BAUXIT	
3	NHÔM ĐẮK NÔNG	24/5	1351/5	31/5	THANH BÌNH 68 (BN-2358)	CỤC 4A.2	2 400		2 400		BAUXIT	
4	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 5A.1	14 800		14 800		PTCB	
5	KDT MIỀN BẮC	18/5	1320/5	28/5	VTA NEPTUNE	CÁM 6A.1	5 200		5 200		PTCB	
6	KDT MIỀN BẮC	22/5	1335/5	31/5	VTA POSEIDON	CÁM 5A.1	15 400		15 400		PTCB	
7	KDT MIỀN BẮC	22/5	1335/5	31/5	VTA POSEIDON	CÁM 6A.1	6 100		6 100		PTCB	
8	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1355/5	31/5	BN 2012	CÁM 5A.1	1 972		1 972		PTCB	
9	TNV HẢI DƯƠNG	22/5	1289-B/5	29/5	BN 0679	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
10	VTA	20/5	1329/5	27/5	HP 6093	CỤC XỔ 1C	1 300		1 300		TD	
11	VTT	21/5	1330/5	28/5	HD 2225	CỤC XỔ 1C	940		940		TD	
12	HÀNG HẢI VN	21/5	1331/5	28/5	NB 8707	CỤC XỔ 1C	1 200		1 200		TD	
13	CROMIT	22/5	1340/5	29/5	BN 1798	CỤC XỔ 1C	1 000		1 000		TD	
14	DV VT QUẢNG NINH	24/5	1348/5	31/5	BN 2616	CÁM 4B.1	1 700		1 700		TD	
15	VIỆT ANH	26/5	1361/5	31/5	HN 2028	CỤC 4A.1	700		700		TD	
	<b>Tàu chuyển tải</b>						<b>232 450</b>	<b>64 630</b>	<b>167 820</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<b>135 700</b>	<b>64 630</b>	<b>71 070</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/5	323/5		HTK CONFIDENCE	CÁM 6A.1	27 200	26 088	1 112	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	TTHG: 22.000 - KVCP: 5.200
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/5	327-B/5		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 550	18 450	5 100	RÓT ĐỔ	HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 12.500 - KVCP: 3.050

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/5	318/5		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.1	20 700	20 092	608	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTHG: 16.000 - KVCP: 4.700
4	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/5	339/5		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.000
5	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	25/5	342-B/5		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250		41 250		HỘ LỚN	KDTCP: 17.000 - CLM: 15.000 - KVCP: 9.250
<b>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</b>							<b>96 750</b>		<b>96 750</b>			
1	ĐIỆN VĨNH TÂN 2	21/5	336/5		HẢI NAM 79	CÁM 6A.14	27 500		27 500		HỘ LỚN	TTCO: 15.500 - CLM: 7.000 - KDTCP: 5.000
2	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	23/5	340/5		QUANG VINH 188	CÁM 5A.10	22 800		22 800		HỘ LỚN	CLM: 17.000 - KVDB: 5.800
3	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/5	344/5		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 150		23 150		HỘ LỚN	TTHG: 15.000 - KVCP: 8.150
4	ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/5	345/5		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 6A.1	23 300		23 300		HỘ LỚN	TTHG: 15.000 - KVCP: 8.300
<b>II</b>	<b>KHO G9-HÓA CHẤT</b>						<b>37 006</b>	<b>8 787</b>	<b>28 219</b>			
<b>Tàu đã làm hàng</b>							<b>5 672</b>	<b>5 408</b>	<b>264</b>			
1	MV YANGZE 901	20/5	2 534		QN 8698	TNK ÚC	3 372	3 170	202	26/5		
2	MV YANGZE 901	22/5	2 585		CỬA ÔNG 06	TNK ÚC	2 300	2 238	62	26/5		
<b>Tàu dự kiến rút trong ngày</b>							<b>8 932</b>	<b>3 379</b>	<b>5 553</b>			
1	COALIMEX	25/5	1359/5	31/5	QN 8730	CÁM 4A.1	5 832	2 879	2 953	RÓT DỖ	PTCB	NGUỒN CS
2	CẦU ĐUÔNG	20/5	1328/5	27/5	BN 2228	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	MV YANGZE 901	20/5	2 534		CỬA ÔNG 16	TNK ÚC	2 100	500	1 600	BỐC DỖ		
<b>Tàu đã làm lệnh</b>							<b>22 402</b>		<b>22 402</b>			
1	KDT BẮC TRUNG BỘ	26/5	1366/5	31/5	NB 2952	CÁM 4A.1	1 050		1 050		PTCB	NGUỒN CS
2	TRƯỜNG ANH 888	23/5	1146/4	31/5	BN 2056	CUC 1B	1 072		1 072		TD	NGUỒN ĐN-CS
3	THAN ƯƠNG BÍ	24/5	1176/4	31/5	BN 1883	CUC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
4	V TRACO	25/5	1352/5	31/5	BN 0988	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
5	KDT HẢI PHÒNG	25/5	1358/5	31/5	BN 1835	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
6	KDT HẢI NỘI	26/5	1362/5	31/5	BN 1862	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
7	THAN MIỀN NAM	26/5	1363/5	31/5	BN 2335	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
8	CROMIT	24/5	1308/5	31/5	BN 1386	DON 8C	1 100		1 100		TD	NGUỒN HL
9	DV VT QUẢNG NINH	26/5	1132/4	31/5	BN 0937	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
10	MV YANGZE 901	26/5	2 642		CỬA ÔNG 09	TNK ÚC	2 300		2 300			
11	MV YANGZE 901	26/5	2 661		CỬA ÔNG 10	TNK ÚC	2 100		2 100			
12	VTA POSEIDON	25/5	2 636		CẨM PHẢ 22	TNK LÀO	3 880		3 880			
13	MV XIAO MAY	26/5	2 641		CỬA ÔNG 15	TNK MOZAMBIQUE	2 300		2 300			
14	MV XIAO MAY	26/5	2 660		CỬA ÔNG 06	TNK MOZAMBIQUE	2 300		2 300			
<b>III</b>	<b>KHO BẢO NGUYỄN</b>						<b>3 500</b>	<b>3 473</b>	<b>27</b>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 26 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						3 500	3 473	27			
1	ĐIÊN PHẢ LẠI	24/5	341/5	31/5	HN 1808	CÁM 5A.14	3 500	3 473	27	26/5	HỘ LỚN	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
<b>IV</b>	<b>KHO CẢNG KM6</b>						<b>8 680</b>	<b>2 249</b>	<b>6 431</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>											
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						5 380	2 249	3 131			
1	COALIMEX	26/5	1 364	31/5	HOÀNG ANH 568	CÁM 5B.1	3 450	2 249	1 201	RÓT DỖ	PTCB	
2	THAN MIỀN NAM	23/5	1 344	31/5	NISSI 777	CUC 1B	1 930		1 930		TD	NGUỒN QH
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						3 300		3 300			
1	NHÔM ĐÁK NÔNG	26/5	1 365	31/5	HOÀNG ANH 45	CÁM 5A.1	1 850		1 850		BAUXIT	
2	NHÔM ĐÁK NÔNG	26/5	1 365	31/5	HOÀNG ANH 45	CUC 4A.2	1 450		1 450		BAUXIT	
<b>V</b>	<b>TÀU XUẤT KHẨU</b>						<b>79 000</b>	<b>56 125</b>	<b>22 875</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						33 500	32 969	531			
1	NHẬT BẢN	20/5	46/5/XX		MV CLIPPER MEDWAY	CÁM 1	33 000	32 470	530	26/5		
2	NHẬT BẢN	14/5	44/5/XX		MV JIN ZE	CUC 4A.1	500	499	1	26/5		
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						18 500		18 500			
1	INDONESIA	16/5	45/5/XX		MV HUAN YA 1	CUC 5B.2	18 000		18 000			
<b>VI</b>	<b>TÀU NHẬP KHẨU</b>		<b>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</b>				<b>78 000</b>	<b>31 951</b>	<b>46 049</b>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>						8 000	8 471	- 471			
1	LÀO		TMB		VTA POSEIDON		8 000	8 471	- 471	27/5		TTCO: 4.806,66 - KVCP: 3.664,23
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						55 000	23 480	31 520			
1	ÚC		TMB		MV YANGZE 901		30 000	21 380	8 620	BỐC DỖ		TTCO: 15.000 - KVCP: 15.000
2	MOZAMBIQUE		CLM		MV XIAO MAY		10 000	2 100	7 900	BỐC DỖ		KVCP: 10.000
3	LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 235-02		5 000		5 000			KVCP: 5.000
4	ÚC		TMB		MV YUE DIAN 83		10 000		10 000			TTCO: 10.000
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						15 000		15 000			
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		5 000		5 000			TTCO: 5.000
2	ÚC		CLM		AQUAGEM		10 000		10 000			KVCP: 10.000